

Current status of training movement development of some dominant sports of Quy Nhon University

Mai The Anh*

Faculty of Physical Education, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 12/06/2024; Revised: 14/08/2024;

Accepted: 15/08/2024; Published: 28/12/2024

ABSTRACT

The study was conducted on 800 subjects at Quy Nhon University using direct interview methods and statistical observations to evaluate the current status of the development of physical activities and sports at Quy Nhon University. This research aimed to contribute to understanding the current status of physical training activities in the university.

Keywords: *Sports strengths, students, needs, practice, Quy Nhon University.*

*Corresponding author:

Email: maitheanh@qnu.edu.vn

Thực trạng sự phát triển phong trào tập luyện một số môn thể thao thể mạnh của Trường Đại học Quy Nhơn

Mai Thế Anh*

Khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 12/06/2024; Ngày sửa bài: 14/08/2024;
Ngày nhận đăng: 15/08/2024; Ngày xuất bản: 28/12/2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành trên 800 khách thể tại Trường Đại học Quy Nhơn. Sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp và quan sát thống kê để đánh giá thực trạng sự phát triển phong trào tập luyện một số môn thể thao thể mạnh của Trường Đại học Quy Nhơn, góp phần tìm hiểu những tồn tại trong thực trạng công tác rèn luyện thể chất của Trường.

Từ khóa: Thể thao thể mạnh, sinh viên, nhu cầu, tập luyện, Trường Đại học Quy Nhơn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu thực trạng sự phát triển phong trào tập luyện một số môn thể thao thể mạnh của Trường Đại học Quy Nhơn là một công việc quan trọng trong việc phát triển phong trào Thể dục thể thao (TDTT) trong sinh viên, mục đích để góp phần hiểu rõ và có biện pháp phát triển các môn thể thao phù hợp, nâng cao hiệu quả rèn luyện thân thể trong sinh viên. Để nghiên cứu thực trạng vấn đề này chúng tôi tiến hành theo các bước:¹⁻⁴

- Nhu cầu tập luyện một số môn thể thao thể mạnh của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn.
- Thực tế số sinh viên tham gia tập luyện một số môn thể thao thể mạnh trong Trường Đại học Quy Nhơn.
- Hệ thống thi đấu một số môn thể thao thể mạnh của Trường Đại học Quy Nhơn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành trên 800 khách thể tại Trường Đại học Quy Nhơn. Sử dụng phương

pháp phỏng vấn trực tiếp và quan sát thống kê để đánh giá thực trạng sự phát triển phong trào tập luyện một số môn thể thao thể mạnh của Trường Đại học Quy Nhơn, góp phần tìm hiểu những tồn tại trong thực trạng công tác rèn luyện thể chất của Trường.⁵⁻⁸

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhu cầu tập luyện một số môn thể thao thể mạnh của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn

Để xác định thực tế nhu cầu tập luyện một số môn thể thao thể mạnh của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn.^{8,9} Chúng tôi tiến hành phỏng vấn 800 sinh viên (trong đó có 300 nữ sinh viên), về động cơ, nguyện vọng tập luyện, cũng như nhu cầu tập luyện và các yếu tố ảnh hưởng phong trào tập luyện một số môn thể thao thể mạnh. Kết quả được xử lý theo từng chỉ tiêu thành phần và được trình bày ở Bảng 1.

*Tác giả liên hệ chính.

Email: maitheanh@qnu.edu.vn

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn động cơ, nhu cầu tập luyện một số môn thể thao thể mạnh của sinh viên Trường Đại Học Quy Nhơn (n = 800).

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn					
		Nam (n = 500)		Nữ (n = 300)		Tổng số	
		n	%	n	%	n	%
1	Động cơ tập luyện một số môn thể thao thể mạnh						
	- Ham thích	400	80	250	83,33	650	81,25
	- Nhận thấy có tác dụng rèn luyện thân thể	340	68	165	55	505	63,13
	- Bắt buộc phải tập môn thể dục	182	36,4	80	26,67	262	32,75
	- Lười kéo	220	44	90	30	310	38,75
2	Nguyên vọng tập luyện một số môn thể thao thể mạnh						
	- Rất muốn tập	462	92,4	235	78,33	697	87,13
	- Không muốn tập	25	5	17	5,68	42	5,25
	- Không trả lời	15	3	8	2,68	23	2,86
3	Nhu cầu tập luyện và thi đấu một số môn thể thao thể mạnh						
	- Bóng đá	495	99	120	40	615	76,88
	- Cầu lông	312	62,4	256	85,33	568	71
	- Bóng rổ	324	64,8	156	52	480	60
	- Bóng chuyền	354	70,8	189	63	543	67,88
	- Đá cầu	132	26,4	78	26	210	26,25
	- Bóng bàn	142	28,4	72	24	214	26,75
4	Nhu cầu tham gia tập luyện trong câu lạc bộ thể thao						
	- Thích	456	91,2	234	78	636	79,5
	- Không cần thiết	26	5,2	17	5,67	43	5,4
5	Động cơ ưa thích						
	- Sôi nổi	402	80,4	234	78	636	80
	- Nâng cao sức khỏe	476	95,2	236	78,7	712	89
	- Rèn luyện ý chí	347	69,4	130	43,3	477	60
	- Muốn có thành tích thể thao	76	15,2	32	10,7	108	14
	- Được tham gia thi đấu	68	13,6	25	8,33	93	12
6	Những yếu tố ảnh hưởng đến phong trào tập luyện các môn TT thể mạnh						
	- Không có giáo viên hướng dẫn	452	90,4	172	57,3	624	78
	- Không có thời gian	78	15,6	60	20	138	17
	- Không đủ sân bãi, dụng cụ tập luyện	389	77,8	157	52,3	546	68
	- Không được sự ủng hộ của bạn bè	123	24,6	68	22,7	191	24
	- Không ham thích môn thể thao nào	43	8,6	32	10,7	75	9,4

Qua bảng 1 cho thấy:

Về nhu cầu tập luyện và tham gia thi đấu các môn thể thao thể mạnh đa số sinh viên thích tổ chức thi đấu các môn bóng, đặc biệt là môn Bóng đá (76,88%), Cầu lông (71,00%), Bóng chuyền (67,88%), Bóng rổ (60%) sau đó là Bóng bàn và Đá cầu. Phần lớn các sinh viên đều cho rằng các môn học này sôi nổi có hứng thú cao, rèn luyện ý chí và nâng cao sức khỏe. Tuy nhiên, còn có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú và kết quả tập luyện của các em như:

- Không có giáo viên hướng dẫn
- Không có thời gian
- Không đủ sân bãi, dụng cụ tập luyện
- Không được sự ủng hộ của bạn bè
- Không ham thích môn thể thao nào

Khi huấn luyện phong trào TDTT tại Trường Đại học Quy Nhơn cần chú ý những điều này để nâng cao kết quả tập luyện ngoại khóa cho sinh viên.

3.2. Thực tế số sinh viên tham gia tập luyện một số môn thể thao thể mạnh của Trường Đại học Quy Nhơn

Để đánh giá một cách khách quan thực tế tham gia tập luyện một số môn thể thao thể mạnh trong sinh viên,^{4,6,7} chúng tôi điều tra và phỏng vấn 800 sinh viên trong đó 300 sinh viên nữ để tìm hiểu thực trạng công tác tập luyện TDTT ngoại khóa của các sinh viên. Kết quả thu được được xử lý theo từng chỉ tiêu thành phần và được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Thực tế số sinh viên tham gia tập luyện các môn thể thao thể mạnh của Trường Đại học Quy Nhơn (n = 800).

TT	Môn	Số sinh viên tham gia và thời gian tập luyện							
		Nam (n = 500)			Nữ (n = 300)			Tổng số	
		n	%	h/tuần	n	%	h/tuần	n	%
1	Bóng đá	423	84,6	4,6	87	29	2,7	510	63,75
2	Cầu lông	379	75,8	4,1	186	48,8	3,9	565	70,63
3	Bóng rổ	321	64,2	3,2	97	32,3	3,4	418	52,25
4	Bóng chuyền	416	83,2	4,3	167	43,3	4,1	583	72,88
5	Đá cầu	94	18,8	2,6	25	8,73	1,9	119	14,88
6	Bóng bàn	98	19,6	2,4	32	12,7	2,2	130	16,25

Qua điều tra thực tế tham gia tập luyện về các môn TDTT ở bảng 2 cho thấy, nhìn chung sinh viên tham gia tập luyện rất đa dạng, nhưng tập nhiều nhất đối với nam vẫn là môn Bóng đá chiếm 84,6%, thời gian tập luyện 4,6 h/tuần; Cầu lông là 75,8%, thời gian tập luyện 4,1 h/tuần; Bóng chuyền là 83,2%, thời gian tập luyện 4,3 h/tuần; Bóng rổ là 64,2%, thời gian tập luyện 3,2 h/tuần. Đối với nữ môn Bóng đá là 29%, thời gian tập luyện 2,7 h/tuần; Cầu lông là 48,8%, thời gian tập luyện 3,9 h/tuần; Bóng chuyền là 43,3%, thời gian tập luyện 4,1 h/tuần; Bóng rổ là 32,3%, thời gian tập luyện 3,4 h/tuần. Các môn này rất được sinh viên yêu thích và tự nguyện

tham gia tập luyện. Các môn khác như Đá cầu và Bóng bàn ít được sinh viên cả nam và nữ quan tâm tập luyện hơn.

3.3. Hệ thống thi đấu các môn thể thao thể mạnh của Trường Đại học Quy Nhơn

Qua theo dõi và thống kê các giải thi đấu truyền thống của Trường Đại học Quy Nhơn, các giải hội thao, đại hội thể dục thể thao của Sở Văn hóa – Thể thao tỉnh Bình Định và giải thể thao sinh viên toàn quốc của Bộ Giáo dục & Đào tạo (Bộ GD&ĐT) tổ chức, được chúng tôi trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3. Hệ thống thi đấu các môn thể thao thể mạnh của Trường Đại học Quy Nhơn, Bộ GD&ĐT và tỉnh Bình Định.

TT	Môn thi đấu	Hệ thống thi đấu	Giải nội bộ Trường ĐH QN			Giải các trường thành viên - Bộ GD&ĐT – Tỉnh Bình Định		
		Năm thi đấu	2021	2022	2023	2021	2022	2023
1	Bóng đá		+	+	+	+	+	+
2	Cầu lông		+	+	+	+	+	+
3	Bóng rổ		0	+	+	+	+	+
4	Bóng chuyền		+	+	+	+	+	+
5	Đá cầu		+	+	0	0	0	0
6	Bóng bàn		0	+	0	+	0	0

Ghi chú (+) là môn thi đấu

(0) là môn không thi đấu

- Qua Bảng 3 cho thấy rằng các giải thi đấu truyền thống của Trường Đại học Quy Nhơn, của các trường thành viên, của Bộ GD&ĐT, của tỉnh Bình Định trong những năm gần đây thường tập trung vào các môn Bóng đá, Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng rổ.

4. KẾT LUẬN

Động cơ tập luyện các môn thể thao thể mạnh của sinh viên chủ yếu là do ham thích (81,25%) và cũng nhận thấy có tác dụng trong việc rèn luyện thân thể. Nâng cao sức khỏe.

Nguyện vọng tập luyện các môn thể thao thể mạnh của sinh viên trên cả nam và nữ đều mong muốn tập, chỉ có một số ít là không muốn tập.

Về nhu cầu tập luyện và tham gia thi đấu các môn thể thao thể mạnh đa số sinh viên thích tổ chức thi đấu các môn Bóng, đặc biệt là môn Bóng đá (76,88%), Cầu lông (71,00%), Bóng chuyền (67,88%). Phần lớn các sinh viên đều cho rằng các môn học này sôi nổi có hứng thú cao, rèn luyện ý chí và nâng cao sức khỏe.

Những yếu tố được đánh giá là ảnh hưởng đến tập luyện các môn thể thao thể mạnh, rèn luyện thể thao của sinh viên là không có sự tổ chức, giáo viên hướng dẫn, không có điều kiện

sân bãi, dụng cụ và một phần do chương trình học tập nặng nên thiếu thời gian.

Qua điều tra thực tế tham gia tập luyện về các môn TDTT nhìn chung sinh viên tham gia tập luyện rất đa dạng, nhưng tập nhiều nhất vẫn là môn Bóng đá là 63,75%, Cầu lông là 70,63%. Bóng chuyền là 72,88% sau đó đến Bóng rổ 52,25%.

Từ những kết quả trên với tỷ lệ % cao về nhu cầu tập luyện, thi đấu và thực tế tham gia tập luyện của sinh viên, dựa trên cơ sở các môn thi đấu truyền thống của trường. Chúng tôi xác định và lựa chọn môn Bóng đá, Cầu lông, Bóng chuyền, Bóng rổ là những môn thể thao thể mạnh và mũi nhọn làm cơ sở nòng cốt cho sự phát triển phong trào hoạt động TDTT của Trường, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. N. T. T. Linh. *Thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển hoạt động Thể thao giải trí cho sinh viên Trường Đại học Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh, 2016.

2. B. T. Toại. *Thực trạng và giải pháp phát triển Thể thao giải trí ở thành phố Hồ Chí Minh*, Đề tài sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, 2011.
3. H. T. T. Uyên. *Nghiên cứu sự hài lòng và nhu cầu của người tham gia, hoạt động Thể thao giải trí ở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
4. N. T. T. Vy. *Thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý Thể thao giải trí ở thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
5. N. X. Sinh, L. V. Lắm, P. N. Viễn, L. Q. Hiệp. *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao*, Nxb Thể dục Thể thao, Hà Nội, 2010.
6. L. Q. Thành. *Quản lý Thể dục thể thao - Khoa học và thực tiễn*, Nxb Thể dục Thể thao, Hà Nội, 2017.
7. N. Toán, P. D. Tồn. *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb Thể dục Thể thao, Hà Nội, 2000.
8. N. T. Truyền, L. Q. Phụng, N. K. Minh, N. Đ. Nhuận, N. T. Tuyết. *Xác định chuẩn mực đánh giá trình độ tập luyện của vận động viên ở một số môn thể thao trọng điểm trong chương trình quốc gia về thể thao*, Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội, 1999.
9. N. Đ. Văn. *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb Thể dục Thể thao, Hà Nội, 2014.



© 2024 by the authors. This Open Access Article is licensed under the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0) license (<https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/>).